

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2026

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 805/2026/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 477/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1989; thường trú: ấp P, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: nhà trọ 1/97, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Bùi Quang K, sinh năm 1987; thường trú: ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi tạm trú: nhà trọ 1/97, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Lái Thiêu thuộc Trại tạm giam Bó Lá, Công an Thành phố H. Ông K có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh T và ông Bùi Quang K có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang (nay là xã P, tỉnh An Giang).

Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống tại địa chỉ D, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình sinh sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông K không lo làm ăn, tụ tập bạn bè ăn chơi, sử dụng ma túy, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông K đánh bà T. Vợ chồng ông bà không còn sống chung với nhau. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Tấn T1, sinh ngày 22/7/2014 và cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 13/11/2021. Bà T yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông K phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: bà T không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn ông Bùi Quang K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông K thống nhất toàn bộ phần trình bày của bà T. Ông K vẫn còn tình cảm với bà T nhưng bà T yêu cầu ly hôn thì ông K đồng ý.

Về con chung: thống nhất có 02 con chung như bà T trình bày, đồng thời ông đồng ý sau ly hôn 02 con chung sẽ do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: ông K không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân và con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”. Bị đơn cư trú tại: nhà T, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Lái Thiêu thuộc Trại tạm giam Bó Lá, Công an Thành phố H, căn cứ Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh T và ông Bùi Quang K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang (nay là xã P, tỉnh An Giang) theo Giấy chứng nhận số 136/2013, quyền số 04/2013 ngày 30/8/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy: bà Nguyễn Thị Minh T và ông Bùi Quang K đều xác định sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, đánh đập nhau, hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau. Bà T xác định không còn tình cảm với ông K nên yêu cầu ly hôn, còn ông K cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của ông, bà không mang lại hạnh phúc cho nhau, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn với ông K là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Bùi Tấn T1, sinh ngày 22/7/2014 và Bùi Minh Q, sinh ngày 13/11/2021. Bà T và ông K thống nhất sau ly hôn 02 con chung sẽ do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của ông bà, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Minh T và ông Bùi Quang K không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T.

[5] Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Minh T chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 316, 317, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều: 9, 55, 81, 82, 83, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T về việc ly hôn, nuôi con với ông Bùi Quang K.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Bùi Quang K.

- Về con chung: buộc ông Bùi Quang K có trách nhiệm giao 02 con chung là Bùi Tấn T1, sinh ngày 22/7/2014 và Bùi Minh Q, sinh ngày 13/11/2021 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu ông Bùi Quang K cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị Minh T và ông Bùi Quang K có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Minh T và ông Bùi Quang K không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006617 ngày 31/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh T 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy